

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2022/DS-ST
Ngày 03 tháng 8 năm 2022
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Anh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sinh

2. Ông Nguyễn Hoàng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 4 tháng 2022 về việc tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-DS ngày 13/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2022/QĐST-DS ngày 08/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc;

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà CC5, khu Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Tr – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Ninh Sơn;

Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Minh V – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Ninh Sơn (Có mặt);

Theo Giấy ủy quyền ngày 21/3/2022 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Ninh Sơn.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận;

- Các Bị đơn:

1. Ông Đinh Hồng S, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh N.

ỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và trong quá trình tham gia tố tụng, ông Lê Minh V là người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N là vợ chồng và đã ly hôn vào tháng 3/2020. Trong thời kỳ hôn nhân, ông Đinh Hồng Sơn bà Nguyễn Thị Ngọc N đã vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, cụ thể như sau:

1. Ngày 26/02/2016, vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 theo chương trình cho vay Nước sạch vệ sinh môi trường, cụ thể như sau:

- + Số tiền vay : 5.000.000 đồng;
- + Thời hạn vay : 60 tháng;
- + Phương thức áp dụng lãi suất: Áp dụng lãi suất cố định.
- + Lãi suất trong hạn : 0,75%/tháng (9%/năm);
- + Lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn (0,975%/tháng, 11,7%/năm).
- + Định kỳ trả tiền gốc theo phân kỳ là 12 tháng/lần, mỗi lần phải trả 550.000 đồng, kỳ cuối phải trả 600.000 đồng;
- + Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: Ngày 26/9/2016;
- + Thời hạn trả nợ gốc cuối cùng: Ngày 12/3/2021, đã được gia hạn đến hết ngày 12/3/2022.

Thực hiện hợp đồng tín dụng này, ngày 26/02/2016 Ngân hàng đã giải ngân đủ 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Trong thời gian vay, ông S, bà N chỉ tiền lãi nhưng không trả tiền gốc đúng thời hạn đã cam kết.

Tính đến ngày 03/8/2022, ông S và bà N đang nợ tổng cộng 5.027.124 đồng nợ gốc, nợ lãi cụ thể:

- + Nợ gốc : 5.000.000 đồng;
- + Nợ lãi : 27.124 đồng.

2. Ngày 27/6/2017, vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 theo chương trình cho vay Hộ nghèo, cụ thể như sau:

- + Số tiền vay : 25.000.000 đồng;
- + Thời hạn vay : 60 tháng;
- + Phương thức áp dụng lãi suất: Áp dụng lãi suất cố định.
- + Lãi suất trong hạn : 0,55%/tháng (6,6%/năm);
- + Lãi suất quá hạn : 130% lãi suất trong hạn (0,715%/tháng, 8,58%/năm).
- + Định kỳ trả tiền gốc theo phân kỳ là 12 tháng/lần, mỗi lần phải trả 5.000.000 đồng;
- + Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: Ngày 27/6/2018;
- + Thời hạn trả nợ gốc cuối cùng: Ngày 13/6/2022.

Thực hiện hợp đồng tín dụng này, ngày 27/6/2017 Ngân hàng đã giải ngân đủ 25.000.000 đồng. Trong thời gian vay, ông S và bà N chỉ trả được một phần tiền lãi và không trả tiền gốc theo đúng thời hạn đã cam kết tại hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 03/8/2022, ông S, bà N đang nợ tổng cộng 27.086.764 đồng nợ gốc và nợ lãi, cụ thể:

+ Nợ gốc : 25.000.000 đồng
+ Nợ lãi : 2.086.764 đồng

Do ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N đã ly hôn và cũng không trả nợ gốc và nợ lãi theo đúng thời hạn phân kỳ đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, do đó Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải trả tổng số tiền 32.113.888 đồng (Ba mươi hai triệu, một trăm mười ba nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng) nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 03/8/2022, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016:

+ Nợ gốc : 5.000.000 đồng;
+ Nợ lãi : 27.124 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017:

+ Nợ gốc : 25.000.000 đồng;
+ Nợ lãi : 2.086.764 đồng.

2. Yêu cầu ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017 mà ông S và bà N đã ký với Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án và vắng mặt tại các phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Bị đơn ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N thì không chấp hành. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà V và ông Điệp theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, cụ thể:

1. Buộc ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải trả tổng số tiền 32.113.888 đồng (Ba mươi hai triệu, một trăm mười ba nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng) nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 03/8/2022, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016:
Nợ gốc : 5.000.000 đồng;
Nợ lãi : 27.124 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017:
+ Tiền nợ gốc : 25.000.000 đồng;
+ Tiền nợ lãi : 2.086.764 đồng.

2. Buộc ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017 mà ông S bà N đã ký với Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc.

3. Về án phí: Do ông Đinh Hồng S là hộ nghèo nên đề nghị Tòa án miễn án phí. Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đây là vụ án dân sự; Quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh N.. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3]. Xử lý việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Vì thế, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Chứng tỏ ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 6, 72, 91, 96, 199 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với các tài liệu,

chứng cứ đã được thu thập để làm cơ sở giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[2.1]. Về hình thức của hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017 giữa Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và ông Đinh Hồng S, bà Nguyễn Thị Ngọc N được lập thành văn bản, thể hiện tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, Sổ vay vốn, Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay, Bảng kê tính lãi của khách hàng, cùng với các chứng từ thanh toán.

Căn cứ Điều 119 Bộ luật Dân sự và Điều 17 Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng được ban hành kèm theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hình thức của Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017 là đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Về mục đích, nội dung của hợp đồng tín dụng:

Các Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017 giữa Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và ông Đinh Hồng S, bà Nguyễn Thị Ngọc N được xác lập hoàn toàn tự nguyện, có nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định tại khoản 16 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng. Do đó, Hợp đồng tín dụng này là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.3]. Về lãi suất và phương thức tính lãi:

Các Hợp đồng tín dụng số 6600000712409065 và Hợp đồng tín dụng số 6600000712408378 cùng ngày 28/3/2018 đều áp dụng lãi suất cố định là 0,75%/tháng (9%/năm) và Lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn (0,975%/tháng, 11,7%/năm).

Xét thấy:

Lãi suất và phương thức tính lãi tại Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017 phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng và các Điều 16 và Điều 17 Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng được ban hành kèm theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam đã áp dụng mức lãi suất và phương thức tính lãi đúng như sự thỏa thuận, thể hiện tại Bảng kê tính lãi của khách hàng.

[2.4]. Về số tiền nợ gốc, nợ lãi mà ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam:

Căn cứ các chứng cứ do Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án gồm: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, Sổ vay vốn, Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay, Bảng kê tính lãi của khách hàng, cùng với các chứng từ thanh toán, đủ cơ sở để xác định:

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017, ông S và bà N đã không trả tiền gốc và tiền lãi theo đúng thời hạn đã cam kết. Tính đến ngày 03/8/2022, ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N đang nợ tổng cộng 32.113.888 đồng (Ba mươi hai triệu, một trăm mười ba nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng) nợ gốc và nợ lãi, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016:
 - + Tiền nợ gốc : 5.000.000 đồng;
 - + Tiền nợ lãi : 27.124 đồng.
- Đối với Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017:
 - + Tiền nợ gốc : 25.000.000 đồng;
 - + Tiền nợ lãi : 2.086.764 đồng.

[2.5]. Từ các phân tích, đánh giá chứng cứ nói trên, đủ cơ sở để xác định: Ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[2.6]. Về nghĩa vụ trả nợ:

Ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N vay tiền của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017, đến ngày 06/3/2020 ông S và bà N ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2020/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản vay này được xác lập trong thời kỳ hôn nhân nên ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải cùng trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, cụ thể:

- **Đối với Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016:**
 - + Ông Đinh Hồng S phải trả số tiền 2.513.562 đồng (Hai triệu, năm trăm mười ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng), cụ thể:
 - Nợ gốc: 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), (*Cách tính: 5.000.000 đồng : 2*).
 - Nợ lãi: 13.562 đồng (Mười ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng), (*Cách tính: 27.124 đồng : 2*).
 - + Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải trả số tiền 2.513.562 đồng (Hai triệu, năm trăm mười ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng), cụ thể:
 - Nợ gốc: 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), (*Cách tính: 5.000.000 đồng : 2*).
 - Nợ lãi: 13.562 đồng (Mười ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng), (*Cách tính: 27.124 đồng : 2*).
- **Đối với Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017:**
 - + Ông Đinh Hồng S phải trả số tiền 13.543.382 đồng (Mười ba triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng), cụ thể:
 - Nợ gốc: 12.500.000 đồng (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng),

(Cách tính: 25.000.000 đồng : 2);

- Nợ lãi: 1.043.382 đồng (Một triệu, bốn mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng), (Cách tính: 2.086.764 đồng : 2).

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải trả số tiền 13.543.382 đồng (Mười ba triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng), cụ thể:

- Nợ gốc: 12.500.000 đồng (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng), (Cách tính: 25.000.000 đồng : 2);

- Nợ lãi: 1.043.382 đồng (Một triệu, bốn mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng), (Cách tính: 2.086.764 đồng : 2).

[2.7]. Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

[2.8]. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh với mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017 cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thì lãi suất mà ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

[3]. Về án phí:

- Ông Đinh Hồng S là hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 802.847 đồng án phí Dân sự sơ thẩm
{[Cách tính: (2.513.562 đồng + 13.543.382 đồng) x 5%]}.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 271, 273 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 119, 280, 357 và 466 Bộ luật Dân sự;

- Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

2.2. Buộc ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, cụ thể:

- **Đối với Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016:**

+ Ông Đinh Hồng S phải trả số tiền **2.513.562 đồng** (Bằng chữ: Hai triệu, năm trăm mười ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng), cụ thể:

- Nợ gốc: **2.500.000 đồng**

(Bằng chữ: Hai triệu, năm trăm nghìn đồng);

- Nợ lãi: **13.562 đồng**

(Bằng chữ: Mười ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng);

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải trả số tiền **2.513.562 đồng** (Bằng chữ: Hai triệu, năm trăm mười ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng), cụ thể:

- Nợ gốc: **2.500.000 đồng**

(Bằng chữ: Hai triệu, năm trăm nghìn đồng);

- Nợ lãi: **13.562 đồng**

(Bằng chữ: Mười ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng);

- **Đối với Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017:**

+ Ông Đinh Hồng S phải trả số tiền **13.543.382 đồng** (Bằng chữ: Mười ba triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng), cụ thể:

- Nợ gốc: **12.500.000 đồng**

(Bằng chữ: Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng);

- Nợ lãi: **1.043.382 đồng**

(Bằng chữ: Một triệu, bốn mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng);

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải trả số tiền **13.543.382 đồng** (Bằng chữ: Mười ba triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng), cụ thể:

- Nợ gốc: **12.500.000 đồng**

(Bằng chữ: Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng);

- Nợ lãi: **1.043.382 đồng**

(Bằng chữ: Một triệu, bốn mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng);

2.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017 cho đến khi ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N thanh toán xong khoản nợ gốc.

2.4. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 6600000706567121 ngày 26/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 6600000710607270 ngày 27/6/2017 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thì lãi suất ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

2.5. Về án phí:

- Ông Đinh Hồng S là hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu **802.847 đồng** án phí Dân sự sơ thẩm
(*Bằng chữ: tám trăm lẻ hai nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng*).

2.6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2.7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, có mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Đinh Hồng S và bà Nguyễn Thị Ngọc N vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trần Anh Khoa